DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN NỘI BỘ ĐƯỢC CHẤP NHẬN (SỐ 10)

LIST OF INHOUSE ACCEPTED CALIBRATION (No 10)

(Kèm theo thông báo số/attachment with announcement: 3031 ***/QĐ - VPCNCLQG ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Ban hiệu chuẩn**
Laboratory:	***Internal Calibration Unit***
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	**Viện Y tế công cộng Thành phố Hồ Chí Minh**
Organization:	***Institute of Public Health Ho Chi Minh City***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 219**
Chuẩn mực công nhận/ *Accreditation criteria:*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Đo lường - Hiệu chuẩn**
Field:	***Measurement - Calibration***
Người quản lý:	**Phạm Kim Anh**
Laboratory manager:	***Pham Kim Anh***
Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:*	**Từ ngày** *14* **/10/2026 đến ngày 28/6/2031**
Địa chỉ:	**159 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh**
Address:	***159 Hung Phu Street, Chanh Hung Ward, Ho Chi Minh City***
Địa điểm:	**159 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh**
Location:	***159 Hung Phu Street, Chanh Hung Ward, Ho Chi Minh City***
Điện thoại/ *Tel*:	**028 38 559 503**
Email:	**phongquanlyiso@iph.org.vn**
Website:	**www.iph.org.vn**

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN NỘI BỘ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 10)

LIST OF INHOUSE ACCREDITED CALIBRATION (No 10)

VILAS 219

Ban hiệu chuẩn/ *Internal Calibration Unit*

Lĩnh vực hiệu chuẩn: **Khối lượng**

Field of calibration: ***Mass***

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn *Measurand/ equipment calibrated*	Phạm vi đo *Range of measurement*	Quy trình hiệu chuẩn *Calibration Procedure*	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC)[1]/ *Calibration and Measurement Capability (CMC)[1]*
1.	**Cân phân tích (Cấp chính xác I)** ***Analytical balance (Accuracy Class I)***	Đến/ *to*: 5 g	HD.PP.01/BHC:2026	0,1 mg
		5 g ~ 100 g		0,2 mg
		100 g ~ 150 g		0,4 mg
		150 g ~ 220 g		0,5 mg
		220 g ~ 320 g		0,7 mg
2.	**Cân kỹ thuật (Cấp chính xác II)** ***Technical balance (Accuracy Class II)***	Đến/ *to*: 500 g	HD.PP.01/BHC:2026	0,01 g
		500 g ~ 1500 g		0,02 g
		1500 g ~ 2000 g		0,04 g
		2000 g ~ 3000 g		0,05 g
		3000 g ~ 3200 g		0,07 g

Ghi chú/ *Note*:

- HD.PP.01/BHC...: Quy trình hiệu chuẩn do PTN xây dựng/ *Laboratory's developed procedures*

(1) Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, thường dùng hệ số phủ k=2 và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, usually using a coverage factor k=2 and expressed with maximum 2 significance digits.*

Trường hợp Viện Y tế công cộng thành phố Hồ Chí Minh cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Viện Y tế công cộng thành phố Hồ Chí Minh phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Institute of Public Health Ho Chi Minh city that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*